

Bản án số: **12/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 21-01-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nhàn

2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:

Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐ-TA ngày 07/12/2021 và thông báo dời ngày mở phiên tòa số 01/2021/TB-TA ngày 28/12/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Tr, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đông Th, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng N

Người đại diện: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu 2, thị trấn V, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2021, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa chị Lê Thị Thùy Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh Th cưới nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Đông. Trong quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn cự cãi, anh Thành thường hay cờ bạc nợ nần bên ngoài do đó chị Tr đã nhiều lần trả hết nợ, chị không thể chung sống với anh Th được nữa nên chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị Tr và anh Th có 01 người con chung tên Trần Ngọc T, sinh ngày 27/03/2012, hiện cháu T đang sống cùng chị Tr, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Tr xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng nợ ngân hàng N số tiền gốc là 76.000.000 đồng (tính tới ngày 28/10/2021), số tiền còn thiếu nêu trên chị Tr đồng ý trả nợ cho ngân hàng, chị không yêu cầu anh Th cùng trả.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/10/2021 bị đơn anh Trần Đông Th trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh xác định vợ chồng cưới nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Đông, do anh đi làm ăn xa ít về nhà chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên anh không đồng ý ly hôn với chị Tr, anh xin được hàn gắn với chị Tr.

- *Về con chung:* Anh yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 27/03/2012, anh không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung: Vợ chồng nợ ngân hàng N do vợ vay trừ lương số nợ hiện tại không nhớ cụ thể, số nợ trên chị Tr không trả thì anh đồng ý trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N trình bày:

Trước đây vào ngày 28/7/2020 Ngân hàng có cho vợ chồng chị Tr và anh Th vay số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày ký đến hết ngày 27/7/2025, việc cho vay có làm hợp đồng tín dụng số 7703-LAV-202004340 ngày 28/7/2020. Chị Tr đã thanh toán cho ngân hàng đến ngày 28/10/2021 còn nợ gốc là 76.000.000 đồng. Nay chị Tr có cam kết tự chịu trách nhiệm trả số nợ còn

thiếu nên ngân hàng đồng ý cho chị Tr tự chịu trách nhiệm trả nợ, ngân hàng không yêu cầu anh Th cùng trả, ngân hàng không yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr cho chị Tr được ly hôn với anh Th. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc T, giới tính nữ, sinh ngày 27/3/2012 cho chị Tr nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Về nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 76.000.000 đồng tính đến ngày 28/10/2021, ngân hàng không yêu cầu trong vụ án này nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh Th không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Th.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị Tr xin ly hôn với anh Th và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Tr và anh Th kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Đông vào ngày 18/5/2011 và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi không thể hàn gắn được. Tại phiên tòa, chị Tr vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh Th. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh chị tại địa phương xác nhận vợ chồng anh chị sau khi cưới nhau sinh sống tại ấp Thạnh Đông, xã Phong Đông, sinh sống được 1- 2 năm thì anh Th dọn căn nhà ra chòi vuông ở, mấy năm nay không thấy chị Tr sinh sống ở Thạnh Đông, không thấy chị tới lui, vợ chồng có mâu thuẫn. Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhằm mục đích hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng anh Th đều vắng mặt không lý do, điều này đã thể hiện cố tình lẩn tránh, không có thiện chí muốn đoàn tụ gia đình với chị Tr. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Tr và anh Th đã trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị Tr cho chị được ly hôn với anh Th.

[4] *Về con chung*: Chị Tr và anh Th có 01 người con chung tên Trần Ngọc T, giới tính nữ, sinh ngày 27/3/2012 (cháu T đang sống cùng chị Tr), chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng của cháu T được chung sống với chị Tr, từ khi chị Tr và anh Th sống ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay chị Tr là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con được đảm bảo, chính quyền địa phương xác nhận chị Tr có đủ điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX thống nhất giao cháu Trần Ngọc T, giới tính nữ, sinh ngày 27/3/2012 cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con, anh có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung*: Chị Tr và anh Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Nợ Ngân hàng N, trụ sở chi nhánh khu phố Vĩnh Đông 2, thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang II số tiền nợ gốc là 76.000.000 đồng tính đến ngày 28/10/2021. Số nợ trên chị Tr đồng ý trả, chị không yêu cầu anh Th trả, phía ngân hàng thống nhất cho chị Tr tự chịu trách nhiệm trả nợ, ngân hàng không yêu cầu gì trong vụ kiện này nên không xem xét, sau này chị Tr không trả hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng có quyền khởi kiện tranh chấp thành vụ kiện khác.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Tr là Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thùy Tr được ly hôn với anh Trần Đông Th.

2- Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc T, giới tính nữ, sinh ngày 27/3/2012 cho chị Lê Thị Thùy Tr trực tiếp nuôi dưỡng (cháu T hiện đang sống với chị Tr), anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh có quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Thùy Tr phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004084 ngày 02/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; chị Tr đã nộp đủ án phí.

4- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Phong Đông (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng